TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày: 18/4/2022
"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh và ông Nguyễn Văn Thám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa*: Ông Lê Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2021/TLST-KDTM ngày 10 tháng 8 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày 31/3/2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Công Ty Đ(Gọi tắt là Công ty); Địa chỉ: Tầng 06 Tòa nhà DITP, Lô A2-19, Nguyễn Tất Thành nối dài, phường Hòa Hiệp Nam, Quận Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Phúc T, chức vụ: Trưởng phòng bán hàng (Theo văn vản ủy quyền số 726/UQ-DXV ngày 26/7/2021 của ông Trần Văn K người đại diện theo pháp luật của Công ty). Ông T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Thái Thị Túy L, sinh năm 1976, chủ Cửa hàng Vật liệu xây dựng H; Địa chỉ trong đơn: Tổ 02, phường C, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ cư trú hiện nay: Số 182/24 H, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T có lời trình bày trong hồ sơ: Vào ngày 01/01/2018 bà Thái Thị Túy L là chủ Cửa hàng Vật liệu xây dựng H có địa chỉ tại Tổ 02, phường C, thị xã A, tỉnh Gia Lai, có ký Hợp đồng mua bán số 376B/HĐMB/2018 ngày 01/01/2018 để mua xi măng của Công Ty Đ. Trị giá hợp đồng là 630.410.000đ *(Sáu trăm ba mươi triệu, bốn trăm mười nghìn đồng),* quá

trình mua bán giao nhận hàng giữa hai bên được bà L đã thanh toán cho Công ty. Đến ngày 07/01/2021 hai bên đã đối chiếu công nợ thì bà L còn nợ Công Ty Đ số tiền 221.010.000đ, Công ty đã nhiều lần yêu cầu thanh toán thì bà L đã chuyển khoản trả số tiền 20.000.000đ. Đến này 21/7/2021 bà L còn nợ số tiền 201.010.000đ *(Hai trăm, lẻ một triệu, không trăm mười nghìn đồng)* nên Công ty khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã A, yêu cầu bà L trả số tiền nói trên. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án thì bà L đã chuyển khoản trả cho Công ty vào các ngày 08/11/2021 bà L chuyển trả 8.000.000đ, ngày 20/12/2022 trả 6.000.000đ, ngày 13/01/2022 trả 6.000.000đ, ngày 16/02/2022 trả 6.000.000đ, ngày 26/3/2022 trả 6.000.000đ, tổng cồng là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng). Bà L chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 169.010.000đ, vì vậy, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị Túy L phải thanh toán số tiền còn nợ là 169.010.000đ *(Một trăm sáu mươi chín triệu, không trăm, mười nghìn đồng)* cho nguyên đơn Công Ty Đ. Nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Thái Thị Túy L, có lời trình bày trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/01/2022 và ngày 14/4/2022 gửi về Tòa án nhân dân thị xã A có nội dung thể hiện như sau: Trước đây, bà Thái Thị Túy L, là chủ Cửa hàng Vật liệu xây dựng H có địa chỉ tại Tổ 02, phường C, thị xã A, tỉnh Gia Lai nên bà L có ký hợp Hợp đồng mua bán số 376B/HĐMB/2018 ngày 01/01/2018 để mua xi măng của Công Ty Đ về để kinh doanh. Do việc kinh doanh không thuận lợi nên cửa hàng Vật liệu xây dựng H không còn hoạt động nữa bà L không còn cư trú tại thị xã A mà chuyển vào cư trú tại số nhà 182/24 H, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và còn nợ Công Ty Đ số tiền 201.010.000đ là đúng. Sau khi nguyên đơn khởi kiện bà L đã chuyển khoản trả nhiều lần vào ngày 08/11/2021 trả 8.000.000đ, ngày 20/12/2022 trả 6.000.000đ, ngày 13/01/2022 trả 6.000.000đ, ngày 16/02/2022 trả 6.000.000đ, ngày 26/3/2022 trả 6.000.000đ, với tổng số tiền là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng). Đến nay (ngày 14/4/2022) bà L xác nhận còn nợ Công Ty Đsố tiền 169.010.000đ *(Một trăm sáu mươi chín triệu, không trăm, mười nghìn đồng)* và xin trả dần hằng tháng mỗi tháng 6.000.000đ cho đến khi hết số nợ nói trên chứ không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt của cả nguyên đơn và bị đơn nhưng các đương sự đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng đúng theo quy định tại tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án nói trên đúng theo quy định. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu như sau: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 201.010.000đ, trong quá trình giải quyết bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền 32.000.000đ và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Phúc T đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền 169.010.000đ và bị đơn cũng thừa nhận trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 14/4/2022. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị

đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 169.010.000đ. Về án phí, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiên đề nghị của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Nguyên đơn là Công Ty Đ có ký Hợp đồng mua bán xi măng với bị đơn bà Thái Thị Túy L, là chủ Cửa hàng Vật liệu xây dựng H, có địa chỉ ghi trong hợp đồng là Tổ 02, phường C, thị xã A, tỉnh Gia Lai, đến nay, bị đơn chưa thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng cho nguyên đơn nên đã phát sinh tranh chấp từ hợp đồng mua bán. Giữa các bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng mua bán giữa các bên được thực hiện tại thị xã A, tỉnh Gia Lai và địa điểm kinh doanh của bị đơn là Cửa hàng Vật liệu xây dựng H có địa chỉ tại phường C, thị xã A, tỉnh Gia Lai, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự. Bị đơn bà Thái Thị Túy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử nhưng đều vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đỗ Phúc T, trong quá trình giải quyết vụ án đã tham gia Tố tụng, trình bày ý kiến được thể hiện đầy đủ trong hồ sơ. Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đỗ Phúc T cũng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã A vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Bà Thái Thị Túy L, đứng tên hộ kinh doanh và có ký Hợp đồng mua bán số 376B/HĐMB/2018 ngày 01/01/2018 để mua xi măng của Công ty Đ, tổng cộng số tiền là 630.410.000đ *(Sáu trăm ba mươi triệu, bốn trăm mười nghìn đồng)* và bà L đã thanh toán cho Công ty từng đợt theo số lượng hàng đã nhận, đến ngày 07/01/2021, hai bên đã đối chiếu công nợ thì bà L xác nhận còn nợ số tiền 221.010.000đ, sau đó bà L chuyển khoản trả 20.000.000đ và còn nợ nguyên đơn số tiền 201.010.000đ là đúng sự thật. Sau khi nguyên đơn khởi kiện bà L tiếp tục chuyển khoản trả nợ nhiều lần, tổng cộng được 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng), đến nay ngày 14/4/2022 bà L xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 169.010.000đ và xin trả dần mỗi tháng 6.000.000đ cho đến khi hết số nợ trên.

[4] Xét việc bị đơn bị đơn bà Thái Thị Túy L còn nợ nguyên đơn là Công ty Đ, số tiền 169.010.000đ là sự thật và được phía bị đơn bà Thái Thị Túy L thừa nhậnn trong đơn xin vắng mặt ngày 14/4/2022. Vì thế, đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn trình bày đang khó khăn về kinh tế nên xin trả dần hàng tháng nhưng nguyên đơn không đồng ý. Vì vậy, buộc bị đơn bà Thái Thị Túy L phải có

trách nhiệm trả số tiền 169.010.000đ *(Một trăm sáu mươi chín triệu, không trăm, mười nghìn đồng)* cho nguyên đơn là có cơ sở theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu số tiền 8.450.500đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 87, Điều 319 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Đ.

- Buộc bị đơn bà Thái Thị Túy L, phải thanh toán khoản tiền còn nợ từ Hợp đồng mua bán số 376B/HĐMB/2018 ngày 01/01/2018, số tiền 169.010.000đ *(Một trăm sáu mươi chín triệu, không trăm, mười nghìn đồng)* cho nguyên đơn Công ty Đ.

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trường hợp không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Thái Thị Túy L, phải nộp số tiền 8.450.500đ *(Tám triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, năm trăm đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Đ, số tiền 5.025.250đ *(Năm triệu, không trăm, hai mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010132 ngày 10/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/4/2022), do các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Trung Toàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội Thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Thám **Nguyễn Thị Hồng Oanh** **Mai Trung Toàn**